

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 -11-2025

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Hoan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 152/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị X, sinh ngày 06/4/1985; Số CCCD: 030185011586, ngày cấp 23/9/2025. Địa chỉ: Thôn H, xã G, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh ngày 19/8/1982; Số CCCD: 030082005414, ngày cấp 30/5/2022. Địa chỉ: Thôn Th, xã G, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Anh Phạm Văn D, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn H, xã G, thành phố Hải Phòng.

3.2. Ông Phạm Quang B, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn Th, xã G, thành phố Hải Phòng.

4. Người được chỉ Xuân ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng: Anh Phạm Văn D, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn H, xã G, thành phố Hải

Phòng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị X trình bày:*

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Phạm Văn Q được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã G, thành phố Hải Phòng) vào ngày 20/11/2006. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại địa phương, cuộc sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, anh Q mãi chơi, không tu chí làm ăn và chăm lo cho gia đình khiến anh chị thường xuyên xảy ra tranh cãi. Bản thân chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Q không có sự thay đổi nên mâu thuẫn ngày càng sâu sắc. Từ cuối năm 2019 anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm liên lạc nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt, xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Quyết theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Phạm Anh C, sinh ngày 02/7/2007, hiện đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và Phạm Văn Kh, sinh ngày 30/10/2010. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét ý kiến con chung, nếu con chung có nguyện vọng ở cùng với chị thì chị cũng đồng ý và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì chị cũng nhất trí và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Khải 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản ghi lời khai bị đơn anh Phạm Văn Q trình bày:* Về thời gian, điều kiện kết hôn anh nhất trí như ý kiến chị Xuân đã trình bày. Trong quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không thống nhất về kinh tế. Năm 2017 anh đi lao động tại nước ngoài về thì chị X lại làm thủ tục đi nước ngoài, trong thời gian này anh chị không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Những lần về nước chị X về ở với bố mẹ đẻ mà không về chung sống cùng với anh. Nay chị X có đơn xin ly hôn, anh xác định vợ chồng đã sống ly thân 07 năm nay nhưng anh chưa đồng ý ly hôn vì muốn đợi con cái trưởng thành thì mới giải quyết dứt điểm. Về con chung vợ chồng anh có hai con như chị X trình bày, trường hợp có căn cứ giải quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án hỏi ý kiến của con chung, nếu cháu Kh có nguyện vọng được ở cùng với anh thì anh cũng nhất trí và tự nguyện không yêu cầu chị

Xuân cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Con chung Phạm Văn Kh có nguyện vọng ở cùng với bố là anh Phạm Văn Q.*

*Tại lời khai của anh Phạm Văn D (em trai của chị X) thể hiện:* Anh nắm được vợ chồng chị X, anh Q xảy ra mâu thuẫn từ cuối năm 2018 nên chị X đã chuyển về nhà bố mẹ để sinh sống. Anh em trong gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh chị bỏ qua mâu thuẫn để về đoàn tụ, chung sống cùng nhau nhưng không thành. Nay chị X có đơn xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết.

*Tại lời khai của ông Phạm Quang B (bố đẻ anh Q) thể hiện:* Chị X và anh Q được tự do tìm hiểu, gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc không hòa hợp, anh chị đã sống ly thân, không còn tình cảm. Gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Chị Xuân có đơn xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Tòa án xác minh tại địa phương nơi các đương sự đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện:* Chị X và anh Q kết hôn hợp pháp và sinh sống tại địa phương. Trong cuộc sống anh chị hay xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Xuân có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị X vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Anh Phạm Văn Q vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 Hải Phòng phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

*Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm TAND khu vực 11 - Hải Phòng:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị X xin ly hôn anh Phạm Văn Q.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Văn Kh, sinh ngày 30/10/2010 cho anh Qu nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung 3.000.000

đồng/tháng đến khi cháu Kh tròn 18 tuổi. Chị X có quyền thăm nom con chung, anh Quyết không được phép ngăn cản.

- Về tài sản chung, công nợ: Không
- Về án phí: Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Phạm Văn Q hiện đang cư trú tại thôn Th, xã Y, thành phố Hải Phòng. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

[1.2] Tại phiên tòa, **anh Q vắng mặt lần thứ hai**; chị X vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị X và anh Phạm Văn Q kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã G, thành phố Hải Phòng), ngày 20/11/2006 là hôn nhân hợp pháp. Trong vụ án này, anh chị đều xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp. Hai bên gia đình đã tiến hành hòa giải để anh chị cùng bỏ qua mâu thuẫn nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Bản thân anh Quyết chưa đồng ý ly hôn với lý do đợi con chung trưởng thành thì mới giải quyết dứt điểm chứ không nhằm mục đích để vợ chồng đoàn tụ, cùng xây dựng cuộc sống chung. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị X và anh Phạm Văn Q đã trầm trọng, vợ chồng không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình và của các đương sự. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi

kiện, xử cho chị X ly hôn anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị X và anh Phạm Văn Q có 02 con chung là Phạm Anh C, sinh ngày 02/7/2007, hiện đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét, giải quyết và Phạm Văn Kh, sinh ngày 30/10/2010. Xét về thực tế cháu Kh đang ở ổn định và có nguyện vọng được ở cùng với anh Q. Do vậy để ổn định cuộc sống cũng như đảm bảo trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, cần tiếp tục giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Văn Kh, sinh ngày 30/10/2010. Về cấp dưỡng cho con: Mặc dù anh Q không yêu cầu chị X cấp dưỡng cho con, tuy nhiên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên HĐXX cần chấp nhận sự tự nguyện của chị X cấp dưỡng cho con là 3.000.000đ/tháng. Như vậy là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu chị X có căn cứ cho rằng anh Q không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân gia đình) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 110; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị X ly hôn anh Phạm Văn Q.
2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn Q chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Văn Kh, sinh ngày 30/10/2010. Chị Phạm Thị X có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Phạm Văn Khải là 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2025 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Không ai được cản trở chị Phạm Thị X thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

*Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.*

3. Về án phí: Chị Phạm Thị X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình) nhưng được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002803 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Chị Phạm Thị X còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị X và anh Phạm Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND KV 11 Hải Phòng;
- Các đương sự;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng (để ghi sổ hộ tịch, kết hôn năm 2006);
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Khánh Thiện**